TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27-01-2026
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Tám**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Trần Văn Ẩn**

2/ Bà **Lê Thị Trúc Linh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Nguyễn Mộng Cầm** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long: không tham gia.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Trọng N**, sinh ngày 30/4/1989. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Chị **Lê Thị Ngọc H**, sinh ngày 19/7/1995. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T1, xã T2, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai ý kiến ngày 29/7/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Trọng N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Ngọc H thành hôn năm 2014 do quen biết, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 08/3/2016. Thời gian chung sống được khoảng 05 năm, lúc đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không thống nhất với nhau về nhiều mặt trong cuộc sống, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng không vui vẻ, hạnh phúc và đã ly thân từ năm 2019 đến nay không hàn gắn lại được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn,

cuộc sống không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Lê Thị Ngọc H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 05/01/2016 hiện đang sống chung với anh. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của anh Nguyễn Trọng N yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long giải quyết ly hôn với chị Lê Thị Ngọc H cư trú ấp T1, xã T2, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

[1.2] Nguyên đơn anh Nguyễn Trọng N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 19/12/2025, bị đơn chị Lê Thị Ngọc H được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh Nguyễn Trọng N và chị Lê Thị Ngọc H thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 08/3/2016 nên xem quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị H là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa anh N và chị H thời gian đầu sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không thống nhất với nhau về nhiều mặt trong cuộc sống, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng không vui vẻ, hạnh phúc và đã ly thân từ năm 2019 đến nay không hàn gắn lại được. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tống đạt hợp lệ cho chị H để Toà án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng chị H vắng mặt không lý do. Như vậy cho thấy tình cảm giữa anh N và chị H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của anh N là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 05/01/2016 sống chung với anh N từ khi anh N và chị H không còn sống chung đến nay. Anh N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Chị H không có ý kiến gì về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Cuộc sống sinh hoạt và học tập của cháu K ổn định và cháu K có ý kiến

nguyện vọng muốn được sống chung với cha. Hội đồng xét xử xét giao cháu Nguyễn Tuấn K cho anh Nguyễn Trọng N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lê Thị Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Trọng N xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Trọng N phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Trọng N. Xử cho anh N ly hôn với chị Lê Thị Ngọc H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 05/01/2016 cho anh Nguyễn Trọng N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lê Thị Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Trọng N xác định không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Trọng N phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* anh N đã nộp theo biên lai thu số 0004901 ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Anh N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long;
- THADS khu vực 4 – Vĩnh Long;
- UBND xã T, tỉnh Vĩnh Long (xã T, huyện V cũ) (Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 08/3/2016);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thị Tám